TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRÙNG KHÁNH
TỈNH CAO BẰNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 92/2021/ HS-ST
Ngày 10 - 9 - 2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÙNG KHÁNH, TỈNH CAO BẰNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bế Thị Thùy Linh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Văn Học và ông Nông Xuân Kiên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nông Văn Noọng - Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh - tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh tham gia phiên tòa: Bà Nông Thị Thủy - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2021, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hình sự thụ lý số 83/2021/TLST - HS ngày 19 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2021/QĐXXST - HS ngày 26 tháng 8 năm 2021 đối với các bị cáo:

1. Đặng Hồng T; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Sinh ngày 10 tháng 10 năm 1994 tại xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: xóm K, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Nùng; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Đặng Hồng T (sinh năm 1958) và bà Ma Thị Y (sinh năm 1966) cùng làm nghề trồng trọt và trú tại xóm K, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Vợ: Hoàng Ngọc Q (Sinh năm: 1998) và 01 con sinh năm 2018; Tiền án, tiền sự: Không có.

Nhân thân: Ngày 21/3/2011, Đặng Hồng T bị Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng xử phạt tiền về hành vi gây rối trật tự công cộng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07 ngày 21/3/2011; Ngày 06/02/2020, Đặng Hồng T bị Công an huyện T xử phạt cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản, theo Quyết định xử phạt hành chính số 05 ngày 06/02/2020;

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 09/6/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

2. Vi Văn N; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; Sinh ngày 21 tháng 3 năm 1993 tại xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

Nơi ĐKHKTT và chỗ ở hiện nay: xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Dân tộc: Tày; Quốc tịch: Việt Nam; Nghề nghiệp: Không nghề; Trình độ học vấn: 10/12; Con ông Vi Văn T (sinh năm 1971) và bà Hứa Thị P (sinh năm 1970) cùng làm nghề trồng trọt và trú tại xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng; Vợ, con: Chưa có;

Tiền án: Bị cáo có 01 tiền án: Ngày 26/11/2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Cao Bằng tuyên phạt 15 tháng tù về tội Vận chuyển hàng cấm, quy định tại khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự. Ngày 20/10/2019 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của Bản án. Đến ngày 14/4/2021 bị cáo lại tiếp tục phạm tội.

Tiền sự: Không có.

Bị cáo bị bắt tạm giữ ngày 09/6/2021, hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện T, tỉnh Cao Bằng. (Có mặt).

- *Bị hại:* Công ty trách nhiệm hữu hạn (TNHH) đầu tư và xây dựng K.

- *Người đại diện hợp pháp của bị hại:* Ông Linh Văn C; sinh năm: 1993 - Giám đốc Công ty TNHH đầu tư và xây dựng K.

Địa chỉ: xóm K, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

(Vắng mặt có lý do)

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

+ Ông Đỗ Hữu D, sinh năm: 1978; (Có mặt)

+ Bà Đỗ Thị H; sinh năm: 1998. (Có mặt)

Cùng trú tại: xóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

+ Bà Hứa Thị P; sinh năm: 1970 (Có mặt)

Trú tại: xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Trong thời gian tháng 4 năm 2021, Đặng Hồng T, sinh năm 1994, trú tại xóm K, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng và Vi Văn N, sinh năm 1993, trú tại xóm N, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng đã nhiều lần thực hiện hành vi trộm cắp các thanh kim loại bằng sắt tại bãi đá K của Công ty TNHH đầu tư và xây dựng K thuộc xóm K, xã C, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Cụ thể:

Lần thứ nhất: Khoảng 21 giờ ngày 14 tháng 4 năm 2021, Đặng Hồng T gọi điện thoại cho Vi Văn N đến nhà T. Sau đó, N một mình điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda Wave, màu đen - bạc, biển kiểm soát 11U1 - 0694 đi đến nhà T. Khi thấy N, T hỏi "anh N ơi đi trộm sắt ở bãi đá K không". N trả lời "ừ đi thì đi". Sau đó, N điều khiển xe mô tô của N chở T đi đến bãi đất trống phía sau bãi đá K, cách bãi đá khoảng 50 mét rồi để xe tại đó. T và N cùng nhau đi bộ qua đoạn hàng rào bị đổ vào trong bãi đá K. Tại đây, T và N thấy có một thanh kim loại bằng sắt hình trụ tròn, có chiều dài 1,7 mét, đường kính hai đầu kích thước 10 cm được đặt

trên mặt đất gần giữa bãi đá, cách nhà kho của bãi đá 16,7 mét. T và N mỗi người nhấc một đầu thanh sắt rồi vác lên vai và đi về vị trí đỗ xe mô tô, qua đường trước đó đã vào. Khi đến vị trí để xe mô tô, T và N để thanh kim loại ở giữa vị trí ngồi của hai người. N là người điều khiển xe mô tô, T ngồi sau dùng hai tay giữ thanh kim loại và đi về nhà T. Đến nhà T, N xuống xe để cho T tự điều khiển xe mô tô chở thanh kim loại trên đi đến nhà chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1979, tạm trú tại xóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng để bán. Khi đến nhà chị L, T gặp con gái chị L là Đỗ Thị H, sinh năm 1998 ở nhà nên bán cho H thanh kim loại có khối lượng 109 kg (một trăm linh chín kilôgam) và được H trả cho T 500.000 đồng (năm trăm nghìn đồng). T cầm tiền đi mua ma túy với một người đàn ông (không biết tên, địa chỉ) mang về nhà cùng N sử dụng hết.

Lần thứ hai: Khoảng 21 giờ 30 phút ngày 17/4/2021, T tiếp tục gọi điện thoại cho N đến nhà T. N hiểu là sẽ tiếp tục đi trộm sắt nên một mình điều khiển xe mô tô đến đón T và chở T đến bãi đất trống phía sau bãi đá K rồi dừng xe tại đó và cùng nhau đi bộ qua đoạn hàng rào bị đổ vào trong bãi đá K. Vào trong bãi đá, T và N thấy 01 thanh kim loại bằng sắt hình trụ tròn (có đặc điểm giống thanh kim loại đã trộm ngày 14/4/2021), có chiều dài 1,7 mét, đường kính hai đầu 09 cm, được đặt trên mặt đất cách vị trí thanh kim loại trước đó 35 mét, gần máy nghiền đá. T và N mỗi người dùng tay nhấc một đầu thanh kim loại rồi vác lên vai và đi về vị trí đỗ xe. N điều khiển xe, T ngồi sau dùng hai tay giữ thanh kim loại và đi đến nhà chị Nguyễn Thị L để bán. Khi đến nhà chị L, T và N thấy con gái chị L là Đỗ Thị H ở nhà nên T và N cùng nhau nhấc thanh kim loại lên cân được 94 kg (chín mươi tư kilôgam). Sau đó, N quay ra xe đợi, T trực tiếp nhận với H 450.000 đồng (Bốn trăm năm mươi nghìn đồng). Sau đó, T cùng N đi mua ma túy với một người đàn ông (không biết tên, địa chỉ) về sử dụng hết.

Khoảng 21 giờ ngày 23/4/2021, T tiếp tục gọi điện rủ N đi trộm sắt tại bãi đá K. N tiếp tục điều khiển xe mô tô chở T đi trộm sắt như hai lần trước. Tuy nhiên, khi vào bãi đá K thì bị người dân phát hiện nên T và N đã bỏ chạy và để lại xe mô tô tại hiện trường.

Ngoài ra, khoảng 22 giờ ngày 19/4/2021, T một mình điều khiển xe mô tô đi đến bãi đất trống phía sau bãi đá K, dừng xe tại đó và đi bộ vào trong bãi đá trộm 01 thanh kim loại bằng sắt hình trụ tròn, có chiều dài 1,3 mét, đường kính 4 cm đặt trên mặt đất cách hàng rào khoảng 30 mét, cách vị trí thanh kim loại đã trộm ngày 14/4/2021 khoảng 50 mét. Sau đó, T mang thanh kim loại trên bán cho Đỗ Thị H. Khi cân thanh kim loại có khối lượng 65kg (sáu mươi năm kilôgam), H trả cho Thái 250.000 đồng (hai trăm năm mươi nghìn đồng). Số tiền này, T dùng vào việc tiêu dùng cá nhân hết.

Sau khi phát hiện bị mất trộm tài sản, ngày 23 tháng 4 năm 2021, anh Linh Văn C, sinh năm 1993, trú tại xóm K, xã C, huyện T là Giám đốc Công ty TNHH

đầu tư và xây dựng K đã làm đơn trình báo Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng.

Ngày 24/4/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh tiến hành khám xét chỗ ở của vợ chồng ông Đỗ Hữu D, sinh năm 1978 và bà Nguyễn Thị L tại xóm T, thị trấn T, huyện T, tỉnh Cao Bằng. Trước khi tiến hành khám xét, Đỗ Hữu D đã tự nguyện giao nộp cho cơ quan chức năng 02 thanh kim loại hình trụ đã bị rỉ sét màu nâu - đen. Thanh thứ nhất có kích thước dài 170 cm x đường kính 09cm có khối khối lượng 94 kg (Chín mươi tư kilôgam). Thanh thứ hai có kích thước dài 170cm x đường kính 10cm có khối lượng 109 kg (một trăm linh chín kilôgam). Tiến hành khám xét phát hiện tạm giữ 02 thanh kim loại có đặc điểm: Thanh thứ nhất có hình trụ, màu trắng xám 51cm, đường kính hai đầu lần lượt 10 cm - 08 cm, có khối lượng 20 kg (hai mươi kilôgam). Thanh thứ 02 bên ngoài bị rỉ sét màu nâu đen, hình trụ tròn, có nhiều cạnh vuông góc xung quanh theo hình tròn, dài 35cm, có khối lượng 34kg (ba mươi tư kilôgam).

Ngày 17 tháng 5 năm 2021 và ngày 12 tháng 7 năm 2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh yêu cầu Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện T định giá đối với các thanh kim loại T và N trộm cắp. Tại Kết luận định giá tài sản số 17 ngày 31/5/2021 và số 32 ngày 12/7/2021 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng huyện T, kết luận: Giá trị còn lại của 01 thanh kim loại hình trụ (thanh xuốt máy nghiền đá) có kích thước 170cm, đường kính 10cm, khối lượng 109kg tại thời điểm ngày 14/4/2021 là 2.616.000 đồng. Giá trị còn lại của 01 thanh kim loại hình trụ (thanh xuốt máy nghiền đá) có kích thước 170cm, đường kính 9cm, khối lượng 94kg tại thời điểm ngày 17/4/2021 là 2.256.000 đồng. Tổng giá trị còn lại của 02 thanh sắt hình trụ (thanh xuốt máy nghiền đá) là 4.872.000 đồng và giá trị của 01 thanh kim loại hình trụ tròn còn lại tại thời điểm ngày 19/4/2021 là 455.000 đ (bốn trăm năm mươi năm nghìn đồng).

Tại Cơ quan điều tra, các bị cáo Đặng Hồng T, Vi Văn N thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình. Mục đích trộm cắp tài sản để mang đi bán lấy tiền mua ma túy về sử dụng. Những lần bán các thanh kim loại cho Đỗ Thị H, các bị cáo không nói cho H biết là tài sản do trộm cắp mà có.

Đối với chiếc điện thoại bị cáo T dùng để liên lạc với bị cáo N, quá trình điều tra không tạm giữ được do T đã làm mất.

Quá trình điều tra, xét thấy việc trả lại các vật chứng, đồ vật, tài liệu không ảnh hưởng đến việc giải quyết vụ án nên ngày 28/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã trả cho các chủ sở hữu là có căn cứ, cụ thể như sau:

Trả lại 02 thanh kim loại: Thanh thứ nhất là thanh kim loại hình trụ, màu trắng xám 51cm, đường kính hai đầu lần lượt 10 cm - 08 cm có khối lượng 20 kg. Thanh thứ 02 bên ngoài bị rỉ sét màu nâu đen, hình trụ tròn, có nhiều cạnh vuông góc xung quanh theo hình tròn, khối kim, dài 35cm, có khối lượng 34kg cho ông Đỗ Hữu D.

Trả lại 02 thanh kim loại hình trụ đã bị rỉ sét màu nâu - đen. Thanh thứ nhất có kích thước dài 170 cm x đường kính 09cm có khối khối lượng 94 kg. Thanh thứ hai có kích thước dài 170cm x đường kính 10cm, có khối lượng 109 kg cho anh Linh Văn C.

Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, màu đen - bạc, biển kiểm soát 11U1 - 0694, số máy 2700575, số khung 200560, xe đã qua sử dụng cho bà Hứa Thị P.

Vật chứng của vụ án là 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím, số seri: 359278044919339 của bị cáo Vi Văn N, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã ban hành Quyết định chuyển vật chứng đến Chi cục Thi hành án dân sự huyện T để xử lý theo quy định của pháp luật.

Tại bản cáo trạng số 85/CT-VKSTK ngày 18 tháng 8 năm 2021 Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố các bị cáo Đặng Hồng T và Vi Văn N ra trước Tòa án nhân dân huyện Trùng Khánh, tỉnh Cao Bằng để xét xử về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa:

Các bị cáo Đặng Hồng T và Vi Văn N thừa nhận Cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã phản ánh đúng hành vi phạm tội của các bị cáo.

Tại cơ quan Điều tra và tại Đơn xin xét xử vắng mặt, người đại diện hợp pháp của bị hại Linh Văn C không yêu cầu bồi thường đối với các bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Hữu D, Đỗ Thị H không yêu cầu các bị cáo trả lại số tiền mà các bị cáo đã nhận từ việc bán tài sản trộm cắp có được và cũng không yêu cầu bồi thường gì thêm; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hứa Thị P không có yêu cầu gì đối với các bị cáo.

Kết thúc phần xét hỏi tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh giữ nguyên quyết định truy tố các bị cáo Đặng Hồng T và Vi Văn N về tội "Trộm cắp tài sản*"* và đề nghị Hội đồng xét xử:

Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đặng Hồng T và Vi Văn N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

Về hình phạt: áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Hồng T. Xử phạt bị cáo từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù; áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h, g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vi Văn N. Xử phạt bị cáo từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù.

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng đối với các bị cáo.

Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím, số seri: 359278044919339 của bị cáo Vi Văn N do liên quan đến hành vi phạm tội.

Về trách nhiệm dân sự: Người đại diện hợp pháp của bị hại Linh Văn C, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Hữu D, Đỗ Thị H, Hứa Thị P không yêu cầu nên không đề nghị xem xét giải quyết.

Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Đỗ Hữu D, Đỗ Thị H, Hứa Thị P nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng và không có ý kiến gì tranh luận thêm.

Các bị cáo không có ý kiến tranh luận. Khi được nói lời sau cùng, các bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét cho hưởng mức án nhẹ nhất để sớm được trở về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Trùng Khánh, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Qua quá trình xét hỏi và tranh luận công khai tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án, đúng như bản Cáo trạng của Viện kiểm sát đã nêu và phù hợp với vật chứng đã thu được của các bị cáo T, N. Cụ thể: Trong các ngày 14/4/2021 và ngày 17/04/2021, Đặng Hồng T và Vi Văn N đã có hành vi lén lút vào bãi đá K của Công ty TNHH đầu tư và xây dựng K tại xóm K, xã C, huyện T trộm cắp 02 thanh kim loại bằng sắt (02 thanh xuốt máy nghiền đá), hình trụ tròn, có tổng trị giá là 4.872.000 đồng (bốn triệu tám trăm bảy mươi hai nghìn đồng). Ngoài ra, ngày 19/4/2021, T một mình vào bãi đá K lấy trộm 01 thanh kim loại bằng sắt có trị giá 455.000 đồng (bốn trăm năm mươi năm nghìn đồng). Sau những lần trộm cắp được các thanh kim loại trên, Đặng Hồng T, Vi Văn N mang bán cho chị Đỗ Thị H lấy tiền mua ma túy về cùng nhau sử dụng.

Do vậy, Hội đồng xét xử có đầy đủ căn cứ để kết tội các bị cáo Đặng Hồng T và Vi Văn N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Viện kiểm sát nhân dân huyện Trùng Khánh đã truy tố các bị cáo về tội danh và Điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo*:* Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội vì đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu tài sản của người khác một cách trái pháp luật, được pháp luật bảo vệ. Hành vi của các bị cáo đã gây ảnh hưởng đến an ninh trật tự xã hội ở địa phương, gây hoang mang trong quần chúng nhân dân. Các bị cáo T, N nhận thức được việc làm của mình là sai, trái pháp luật nhưng vẫn cố tình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản. Bị cáo T là người đã có vợ, con lẽ ra phải tu chí làm ăn, làm gương cho con cái noi theo. Bị cáo N còn trẻ, lẽ ra phải tu chí làm ăn để xây dựng gia đình, trở thành công dân có ích cho xã hội. Tuy nhiên, các bị cáo lại ham chơi dẫn đến lệ thuộc vào ma túy, lợi dụng sự sơ hở của chủ sở hữu trong việc quản lý tài sản để thực hiện hành vi chiếm đoạt đem bán mua ma túy; Trong vụ án này, bị cáo T là người khởi xướng, rủ bị cáo N cùng thực hiện hành vi trộm cắp tài sản về bán để lấy tiền mua ma túy. Khi được bị cáo T rủ rê, bị cáo N cùng thực hiện hành vi trộm cắp. Ngoài 03 lần rủ bị cáo N trộm cắp, thì ngày 19/4/2021 bị cáo T còn một mình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản và đem bán lấy tiền tiêu sài cá nhân.

Hội đồng xét xử xét thấy, các bị cáo đã nhiều lần trộm cắp tài sản có tổng giá trị 4.712.800 đồng (Bốn triệu bảy trăm mười hai nghìn tám trăm đồng); ngoài ra, bị cáo T còn một mình thực hiện hành vi trộm cắp tài sản có giá trị 455.000 đồng (bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng) là tình tiết định khung quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự. Vì vậy, cần phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn mới tương xứng với tính chất, mức độ, hành vi của các bị cáo, cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian nhất định nhằm răn đe, giáo dục riêng đối với các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Về nhân thân: Cả hai bị cáo Đặng Hồng T và Vi Văn N đều nghiện ma túy, có nhân thân xấu.

Ngày 21/3/2011, bị cáo T bị Công an huyện T xử phạt tiền về hành vi gây rối trật tự công cộng theo Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 07 ngày 21/3/2011; Ngày 06/02/2020, Đặng Hồng T bị Công an huyện T xử phạt cảnh cáo về hành vi Trộm cắp tài sản, theo Quyết định xử phạt hành chính số 05 ngày 06/02/2020; Tiền án, tiền sự: Không;

Bị cáo N có 01 tiền án (Ngày 20/10/2019 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của Bản án). Đến ngày 14/4/2021 bị cáo lại tiếp tục phạm tội; Tiền sự: Không có.

Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình và tỏ ra ăn năn hối cải. Do đó,

khi quyết định hình phạt cần áp dụng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự đối với các bị cáo T và N.

Về tình tiết tăng nặng:

Đối với bị cáo T: Ngày 14/4/2021 bị cáo cùng bị cáo N trộm cắp 01 (một) thanh sắt có giá trị 2.616.000 đồng (Hai triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng); ngày 17/4/2021 bị cáo cùng bị cáo N trộm cắp 01 (một) thanh sắt có giá trị 2.256.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Mỗi lần trộm cắp đều cấu thành tội phạm nên bị cáo phải chịu 01 (một) tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là "phạm tội 02 lần trở lên". Ngoài ra, bị cáo còn một mình thực hiện hành vi trộm cắp 01 (một) thanh sắt vào ngày 19/4/2021 có giá trị 455.000 đồng (Bốn trăm năm mươi lăm nghìn đồng).

Đối với bị cáo N: Bị cáo có 01 tiền án. Ngày 26/11/2018 bị cáo bị Tòa án nhân dân huyện T tuyên phạt 15 tháng tù về tội Vận chuyển hàng cấm, quy định tại khoản 2 Điều 191 Bộ luật Hình sự. Ngày 20/10/2019 bị cáo chấp hành xong hình phạt tù và các quyết định khác của Bản án. Đến ngày 14/4/2021 bị cáo lại tiếp tục phạm tội. Ngày 14/4/2021 bị cáo cùng bị cáo T trộm cắp 01 (một) thanh sắt có giá trị 2.616.000 đồng (Hai triệu sáu trăm mười sáu nghìn đồng); ngày 17/4/2021 bị cáo cùng bị cáo T trộm cắp 01 (một) thanh sắt có giá trị 2.256.000 đồng (Hai triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn đồng). Mỗi lần trộm cắp đều cấu thành tội phạm. Do đó, bị cáo phải chịu 02 (hai) tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự quy định tại điểm h, g khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự là "Tái phạm và phạm tội 02 lần trở lên".

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố các bị cáo Đặng Hồng T và Vi Văn N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*" và xử phạt các bị cáo T, N mỗi bị cáo từ 12 (mười hai) tháng đến 18 (mười tám) tháng tù. Xét thấy mức đề nghị của đại diện Viện kiểm sát là có căn cứ và phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

[5] Các nhận định khác:

Ngày 28/7/2021, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh đã trả lại tài sản cho các chủ sở hữu là đúng theo quy định của pháp luật. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết. Cụ thể:

Trả lại 02 thanh kim loại: Thanh thứ nhất là thanh kim loại hình trụ, màu trắng xám 51cm, đường kính hai đầu lần lượt 10 cm - 08 cm có khối lượng 20 kg. Thanh thứ 02 bên ngoài bị rỉ sét màu nâu đen, hình trụ tròn, có nhiều cạnh vuông góc xung quanh theo hình tròn, khối kim, dài 35cm, có khối lượng 34kg cho ông Đỗ Hữu D.

Trả lại 02 thanh kim loại hình trụ đã bị rỉ sét màu nâu - đen. Thanh thứ nhất có kích thước dài 170 cm x đường kính 09cm có khối khối lượng 94 kg. Thanh thứ hai có kích thước dài 170cm x đường kính 10cm, có khối lượng 109 kg cho anh Linh Văn C.

Trả lại 01 xe mô tô nhãn hiệu Honda wave, màu đen - bạc, biển kiểm soát 11U1 - 0694, số máy 2700575, số khung 200560, xe đã qua sử dụng cho bà Hứa Thị P.

Đối với 01 (một) thanh kim loại bằng sắt hình trụ tròn, có chiều dài 1,3 mét, đường kính 4 cm, có khối lượng 65kg (sáu mươi năm kilôgam). Quá trình điều tra không thu giữ được thanh kim loại.

Đối với Đỗ Hữu D và Đỗ Thị H khi mua các thanh kim loại với hai bị cáo không biết là tài sản do trộm cắp mà có. Do đó, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Trùng Khánh không đề nghị xử lý đối với Đỗ Hữu D và Đỗ Thị H trong vụ án này là đúng theo quy định của pháp luật.

[6] Về hình phạt bổ sung: Các bị cáo không có nguồn thu nhập ổn định nên Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt bổ sung là hình phạt tiền đối với các bị cáo.

[7] Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím, số seri: 359278044919339 của bị cáo Vi Văn N do liên quan đến hành vi phạm tội.

[8] Về trách nhiệm dân sự: Tại Cơ quan điều tra cũng như tại đơn xin xét xử vắng mặt, người đại diện hợp pháp của bị hại xác nhận đã nhận đủ tài sản bị trộm cắp và không yêu cầu bồi thường đối với các bị cáo; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Đỗ Hữu D, Đỗ Thị H bỏ tiền mua 02 thanh sắt với các bị cáo có tổng trị giá là 950.000 đồng (chín trăm năm mươi nghìn đồng). Tại phiên tòa hôm nay, ông D, bà H đã được Hội đồng xét xử giải thích quyền được đòi lại số tiền trên. Tuy nhiên, ông D có ý kiến là do các bị cáo đều là các đối tượng nghiện ma túy, nên ông D không yêu cầu các bị cáo phải trả lại khoản tiền này và cũng không yêu cầu các bị cáo phải bồi thường; người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan Hứa Thị P không yêu cầu các bị cáo bồi thường. Do đó, Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về án phí: Các bị cáo Đặng Hồng T và Vi Văn N phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[10] Về quyền kháng cáo: Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị hại, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

1. Về tội danh: Tuyên bố các bị cáo Đặng Hồng T và Vi Văn N phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Đặng Hồng T;

Áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h, g khoản 1 Điều 52, Điều 58 Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Vi Văn N.

2. Về hình phạt:

Xử phạt bị cáo Đặng Hồng T 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 09/6/2021;

Xử phạt bị cáo Vi Văn N 18 (mười tám) tháng tù, thời hạn chấp hành án phạt tù được tính từ ngày bị cáo bị tạm giữ, tạm giam ngày 09/6/2021;

Về hình phạt bổ sung: Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với các bị cáo Đặng Hồng T và Vi Văn N.

3. Về xử lý vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự, Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Tịch thu sung vào Ngân sách Nhà nước: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia, màu đen, loại bàn phím, số seri: 359278044919339 của bị cáo Vi Văn N do liên quan đến hành vi phạm tội.

4. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng Hình sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Uỷ ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Buộc các bị cáo Đặng Hồng T và Vi Văn N, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm sung vào Ngân sách Nhà nước.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm, có mặt các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Bị cáo Đặng Hồng T và Vi Văn N, những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người đại diện hợp pháp của bị hại có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ./.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Bế Thị Thùy Linh

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Cao Bằng;
- VKSND tỉnh Cao Bằng;
- Sở tư pháp tỉnh Cao Bằng;
- VKSND huyện Trùng Khánh;
- Công an huyện; Nhà tạm giữ CATK;
- Chi cục THADS huyện T;
- Các bị cáo;
- Người đại diện hợp pháp của bị hại;
- Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu HS vụ án;
- Lưu án văn.